

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh;
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 922/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1976; trú tại: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, ông T không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên bạo hành bà H cả về thể chất lẫn tinh thần, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà H

và ông T đã không còn sống chung và đã sống ly thân được 02 năm nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Viết N, sinh năm 1999 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 12/8/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 09/11/2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Viết T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân và thời gian chung sống. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Hiện ông T và bà H đã ly thân được gần 02 năm nay. Nay, bà H làm đơn xin ly hôn ông T không đồng ý, vì lý do ông T vẫn còn yêu thương vợ con và không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Viết N, sinh năm 1999 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 12/8/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Viết T vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều 95 đến điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn tuân theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Viết T kết hôn năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian 14 năm từ năm 1998 đến năm 2012 02 vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc có 02 con chung tên là Nguyễn Viết N, sinh năm 1999 và Nguyễn Viết C, sinh năm 2002. Năm 2012, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Viết T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính, bất đồng về quan điểm, ông T không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên bạo hành bà H cả về thể chất lẫn tinh thần, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2018, 02 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nhận thấy đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài nên bà Nguyễn Thị H làm đơn ra Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Viết T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Viết N, sinh năm 1999 và Nguyễn Viết C, sinh năm 2002. Hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay qua phần hỏi, phần tranh luận, Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Viết T về việc tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Viết T có địa chỉ cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến

Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Viết T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, là hôn nhân hợp pháp.

Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 1998, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, ông T không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà H và ông T đã sống ly thân được 02 năm nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Viết T. Quá trình tham gia tố tụng, ông T cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Hiện ông T và bà H đã ly thân được gần 02 năm nay. Nay, bà H làm đơn xin ly hôn ông T không đồng ý, vì lý do ông T vẫn còn yêu thương vợ con và không muốn gia đình tan vỡ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Viết T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Viết T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Viết N, sinh năm 1999 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 12/8/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Viết T về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Viết T.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Viết N, sinh năm 1999 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 12/8/2002. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0048320 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên

